

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thế

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Công Mừng

2. Ông Vũ Ngọc Côn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 602/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST- HNGĐ ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị N, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện L, tỉnh BG.

Bị đơn: Anh Chu Văn Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện L, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:

Chị và anh Chu Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 17/01/2007, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BG, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị về nhà anh Đ làm dâu ngay, anh chị sống tại thôn Làng Rì, xã P, huyện L, tỉnh BG. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng

9/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh Chu Văn Đ uống rượu, thường xuyên đánh đập con cái. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Chị và anh Đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn Đ.

- Về con chung: Chị và anh Chu Văn Đ có 03 con chung là Chu Thị Phương Tr, sinh ngày 10/4/2006; Chu Minh S, sinh ngày 10/9/2012 và Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022. Hiện tại cháu Tvà cháu S đang ở với anh Đ, còn cháu Y đang ở với chị. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Chu Thị Ngọc Y, còn để anh Chu Văn Đ nuôi dưỡng cháu Chu Thị Phương Tr và Chu Minh S. Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh Chu Văn Đ tự thỏa thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/02/2023 anh Chu Văn Đ trình bày:* Anh và chị Lâm Thị N kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BG, trước khi kết hôn được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị Đ về nhà anh làm dâu ngay, anh chị sống tại thôn Làng Rì, xã P, huyện L, tỉnh BG. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9/2022 thì chị Lâm Thị N bỏ nhà đi, không còn liên lạc gì với nhau nữa, anh cũng gọi điện nhiều lần với chị Lâm Thị N nhưng không liên lạc được, anh cũng không biết tại sao chị Lâm Thị N lại bỏ đi, không chung sống với anh nữa. Nay chị Lâm Thị N khởi kiện ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn chị Lâm Thị N về cùng anh để nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh và chị Lâm Thị N có 03 con chung là Chu Thị Phương Tr, sinh ngày 10/4/2006; Chu Minh S, sinh ngày 10/9/2012 và Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022. Hiện tại cháu Tvà cháu S đang ở với anh, còn cháu Y đang ở với chị Lâm Thị N. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu cả 03 con chung. Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2023 cháu Chu Thị Phương Tr trình bày:* Nếu bố mẹ cháu kiên quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố là Chu Văn Đ.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2023 cháu Chu Minh S trình bày:* Nếu bố mẹ cháu kiên quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố là Chu Văn Đ.

Tại đơn đề nghị ngày 15/02/2023 cháu Chu Thị Phương Tr trình bày: Trong quá trình chung sống với nhau bố mẹ cháu xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đánh nhau không thể hoà hợp, nên đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và cháu vẫn có nguyện vọng ở với bố là Chu Văn Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2023 ông Chu Văn N trưởng thôn thôn Làng Rì, xã P, huyện L, tỉnh BG cung cấp: Địa phương không rõ mâu thuẫn giữa chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ nhưng địa phương cũng chỉ nghe nói hai vợ chồng có lời ra

tiếng vào liên quan đến vấn đề kinh tế. Anh Chu Văn Đ hiện tại đang chăn nuôi và làm vườn ở địa phương, thỉnh thoảng anh có đi làm thuê quanh địa phương còn cụ thể thu nhập của anh Chu Văn Đ địa phương không rõ.

Tại biên bản xác minh ngày 14/03/2023 ông Chu Văn Th – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BG cung cấp: Thu nhập bình quân trên đầu người của toàn xã là 27.000.000 đồng/ người/ năm.

Tại phiên chị Lâm Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Tại phiên tòa anh Chu Văn Đ vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu và lời khai của chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị N: Cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Chu Văn Đ.

Về con chung: Giao cho anh Chu Văn Đ nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Phương Tr, sinh ngày 10/4/2006 và Chu Minh S, sinh ngày 10/9/2012; Giao cho chị Lâm Thị N nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, vì đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Lâm Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số 0015149 ngày 21 tháng 12 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lâm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với anh Chu Văn Đ. Hiện nay anh Chu Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn Làng Rì, xã P, huyện L, tỉnh BG. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2] Tại phiên tòa chị Lâm Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Chu Văn Đ vắng mặt lần thứ hai, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để thông báo anh Chu Văn Đ đến tham gia phiên tòa, nhưng anh Chu Văn Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BG được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/01/2007. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Lâm Thị N vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh Chu Văn Đ uống rượu, đánh đập vợ con. Anh Chu Văn Đ cũng trình bày tháng 9/2022 thì chị Lâm Thị N bỏ nhà đi, hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa, anh cũng gọi điện nhiều lần với chị Lâm Thị N nhưng không liên lạc được, anh cũng không biết tại sao chị Lâm Thị N lại bỏ đi, hai vợ chồng không chung sống với anh nữa. Nay chị Lâm Thị N khởi kiện ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn chị Lâm Thị N về cùng anh để nuôi dạy con cái. Quá trình làm việc với địa phương và qua lời trình bày của con chung của vợ chồng là Chu Thị Phương Tr đều xác định vợ chồng chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau, không cùng nhau phát triển kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ mâu thuẫn là có thật, việc vợ chồng không có cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra việc cãi vã, đánh nhau, hiện đã ly thân từ tháng 9/2022 không quan tâm, liên hệ gì với nhau nữa, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị N, cho chị Lâm Thị N được ly hôn với Chu Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ có Chu Thị Phương Tr, sinh ngày 10/4/2006; Chu Minh S, sinh ngày 10/9/2012 và Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022, sau khi ly hôn anh Chu Văn Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba con chung, chị Lâm Thị N nhất trí để anh Đ nuôi hai con chung là Chu Thị Phương

Tr, sinh ngày 10/4/2006; Chu Minh S, sinh ngày 10/9/2012, còn chị nuôi cháu Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022. Hội đồng xét xử xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của anh Đchị Nghiêm thì thấy: Chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu trưởng thành, để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự và tạo điều kiện tốt nhất cho các con chung phát triển toàn diện, anh Lý Văn Đcó nguyện vọng nuôi dưỡng cả 03 con chung tuy nhiên hiện tại Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022 vẫn còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc, còn cháu Chu Thị Phương Tr và Chu Minh S có nguyện vọng ở với bố là Chu Văn Đ. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh Chu Văn Đ nuôi cháu Chu Thị Phương Tr, sinh ngày 10/4/2006 và Chu Minh S, sinh ngày 10/9/2012; Giao cho chị Lâm Thị N nuôi con chung là Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022 là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tvà cháu S, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Lâm Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số 0015149 ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị N: Cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Chu Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Chu Văn Đ nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Phương Tr, sinh ngày 10/4/2006 và Chu Minh S, sinh ngày 10/9/2012; Giao cho chị Lâm Thị N nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/02/2022 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, vì đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Lâm Thị N và anh Chu Văn Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Lâm Thị N

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số 0015149 ngày 21 tháng 12 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã P, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Văn Thế